


BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: NƯỚC VÔI TRONG – DUNG DỊCH $\text{Ca}(\text{OH})_2$ 0.17–0.2%

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất (IUPAC / quốc tế):** Calcium hydroxide solution
- Tên khác:** Lime water, Hydrated lime solution
- CAS:** 1305-62-0
- Công thức:** $\text{Ca}(\text{OH})_2$
- Dạng:** Dung dịch nước 0.17–0.2%
- Sử dụng đã định:** Trung hòa axit, thuốc thử trong phòng thí nghiệm, xử lý nước
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**
 - Tên công ty: CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC MAI KHÔI
 - Mã số thuế: 0314051291
 - Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
 - GHS05: H315 – Gây kích ứng da
 - GHS05: H318 – Gây tổn thương mắt nghiêm trọng
- Biểu tượng GHS:**  (Bong / ăn mòn)
- Câu cảnh báo nguy hiểm:**
 - H315: Gây kích ứng da
 - H318: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng
- Câu phòng ngừa:**
 - P264: Rửa tay kỹ sau khi thao tác
 - P280: Mang găng tay, kính bảo hộ
 - P305+P351+P338: Nếu dính mắt: Rửa cẩn thận bằng nước nhiều phút, tháo kính áp tròng nếu có
 - P302+P352: Nếu tiếp xúc da: Rửa bằng xà phòng và nhiều nước

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

| Thành phần | CAS | Tỷ lệ |
|-------------------|-----------|-------------|
| Calcium hydroxide | 1305-62-0 | 0.17–0.2% |
| Nước cất | 7732-18-5 | 99.8–99.83% |

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí
- Tiếp xúc da:** Rửa ngay với nhiều nước và xà phòng
- Tiếp xúc mắt:** Rửa bằng nước ít nhất 15 phút, đến cơ sở y tế
- Nuốt phải:** Uống nhiều nước, không gây nôn, đến cơ sở y tế nếu cần

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Dùng nước, bọt, CO_2 hoặc bọt khô
- Không cháy, nhưng tránh nhiệt độ cao và các chất có thể phản ứng mạnh

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Tránh tiếp xúc trực tiếp
- Thu gom dung dịch tràn vào thùng chứa an toàn
- Không xả trực tiếp ra môi trường

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Trong phòng thí nghiệm, thông gió tốt
- **Bảo quản:** Nơi khô, mát, tránh ánh sáng trực tiếp, kín
- **Không tương thích:** Axit mạnh

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Hô hấp:** Mặt nạ lọc bụi nếu phun sương
- **Tay:** Găng tay chống hóa chất
- **Mắt:** Kính bảo hộ kín
- **Da:** Quần áo bảo hộ kín

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

| Thuộc tính | Giá trị |
|-------------------|---|
| Trạng thái | Dung dịch nước, trong suốt |
| Màu sắc | Không màu |
| Mùi | Không mùi |
| pH (1–2%) | 12–12.5 |
| Độ tan trong nước | Tan ít (tạo dung dịch bão hòa ~1.5 g/L) |

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Ổn định trong điều kiện bình thường
- Tránh phản ứng với axit mạnh

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- LD50 (chuột, uống): > 7.34 g/kg (dạng bột)
- Kích ứng mắt và da, dung dịch loãng ít độc

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- Không độc hại nghiêm trọng ở nồng độ thấp
- Hòa tan trong nước, pH cao có thể ảnh hưởng sinh vật thủy sinh

MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom dung dịch còn lại, trung hòa bằng axit loãng trước khi xả theo quy định địa phương

MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** 1748 (Calcium hydroxide solution)
- **Loại nguy hiểm:** Không cháy, ăn mòn
- Tuân thủ ADR/IMDG/IATA

MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- Tuân thủ TCVN 9487:2012
 - Hóa chất nguy cơ thấp khi thao tác đúng
-

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Ngày phát hành SDS: 26/11/2025
- Tham khảo: Sigma-Aldrich SDS, PubChem
- Ghi chú:
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế